

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 32

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") Long (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán là PCT theo Quyết định số 412/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 22 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, mua bán sản phẩm gas (LPG/CNG/LNG) và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Nghị	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2018 bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2017
Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2017 miễn nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2018 miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Công Tâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2017
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Hưng	Trưởng Ban	
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên	
Ông Vũ Trọng Độ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2018
Bà Vũ Thị Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2018

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thanh Hải	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Dương Vũ Phong	Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018
Ông Lê Văn Phong	Phó Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2018
Ông Phan Thanh Hà	Phó Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Thanh Hải.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty. *elt*

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đặng Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60729681/19534533

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

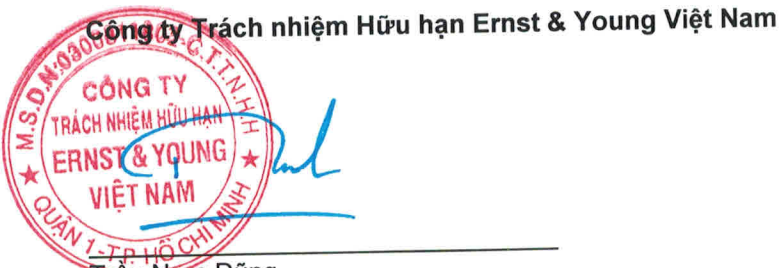
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

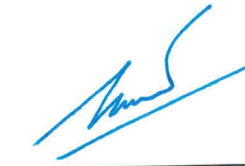
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 24 tháng 3 năm 2017.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3201-2014-004-1



Vương Văn Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán:
Số: 3446-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		138.850.137.695	164.418.908.752
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	36.013.354.028	100.225.634.171
111	1. Tiền		9.604.802.117	10.425.634.171
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.408.551.911	89.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		75.972.677.617	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	75.972.677.617	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.413.568.494	30.664.554.919
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	18.723.534.495	24.371.798.072
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	13.438.394.541	13.573.402.352
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	7.026.964.872	13.427.649.205
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(20.775.325.414)	(20.708.294.710)
140	IV. Hàng tồn kho		138.136.563	1.063.153.598
141	1. Hàng tồn kho		138.136.563	1.063.153.598
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.312.400.993	2.465.566.064
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		444.025.659	155.501.530
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.380.566.029	1.699.441.701
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	487.809.305	610.622.833
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		133.298.418.591	125.217.106.248
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.555.800.000	270.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.555.800.000	270.000.000
220	II. Tài sản cố định		121.738.493.619	65.819.692.389
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	121.710.601.445	65.680.231.595
222	Nguyên giá		154.846.009.223	95.592.022.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.135.407.778)	(29.911.791.359)
227	2. Tài sản vô hình		27.892.174	139.460.794
228	Nguyên giá		733.967.020	733.967.020
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(706.074.846)	(594.506.226)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	8.511.460.000	8.511.460.000
231	1. Nguyên giá		8.511.460.000	8.511.460.000
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	49.492.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	49.492.500
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	49.972.677.617
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	49.972.677.617
260	VI. Tài sản dài hạn khác		492.664.972	593.783.742
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		133.819.126	184.545.455
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	358.845.846	409.238.287
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		272.148.556.286	289.636.015.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.961.188.115	34.088.254.108
310	I. Nợ ngắn hạn		17.961.188.115	34.088.254.108
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	4.279.279.928	9.593.012.498
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.576.345.360	1.328.059.050
314	3. Phải trả người lao động		3.292.748.375	8.979.636.346
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.666.682.677	8.453.509.200
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.366.466.912	5.435.858.779
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		779.664.863	298.178.235
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.187.368.171	255.547.760.892
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	254.187.368.171	255.547.760.892
411	1. Vốn cổ phần		230.000.000.000	230.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		230.000.000.000	230.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		839.178.790	839.178.790
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.918.499.046	1.918.499.046
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.429.690.335	22.790.083.056
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.274.285.957	1.632.112.070
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.155.404.378	21.157.970.986
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		272.148.556.286	289.636.015.000

Hoàng Lê Hương
Người lập

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Đặng Thanh Hải
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	383.347.499.684	929.675.727.846
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(378.783.504.080)	(909.835.286.106)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.563.995.604	19.840.441.740
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	8.927.907.456	5.777.828.496
22	5. Chi phí tài chính		(1.218.147)	(18.363.890)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(5.330.204)
25	6. Chi phí bán hàng		-	(67.408.189)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(13.383.650.698)	(18.911.513.746)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		107.034.215	6.620.984.411
31	9. Thu nhập khác	20	2.797.718.639	20.237.866.270
32	10. Chi phí khác	20	(1.257.381.614)	(299.721.559)
40	11. Lợi nhuận khác	20	1.540.337.025	19.938.144.711
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.647.371.240	26.559.129.122
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.2	(441.574.421)	(3.478.793.600)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.3	(50.392.441)	(1.922.364.537)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.155.404.378	21.157.970.985
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	50	811
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	50	811



Hoàng Lê Hương
Người lập



Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Đặng Thanh Hải
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.647.371.240	26.559.129.122
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		13.855.795.129	18.787.719.353
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		67.030.704	(3.330.349.127)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.030.168	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.692.137.440)	(25.408.920.810)
06	Chi phí lãi vay		-	5.330.204
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.879.089.801	16.612.908.742
09	Giảm các khoản phải thu		3.390.644.930	123.283.068.675
10	Giảm hàng tồn kho		925.017.035	11.646.677.561
11	Giảm các khoản phải trả		(16.621.239.711)	(59.492.367.421)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(237.797.800)	741.115.295
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	266.108.066
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(5.330.204)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(494.118.244)	(5.383.018.705)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.034.310.471)	(2.791.317.399)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(10.192.714.460)	84.877.844.610
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(74.774.735.384)	(39.549.487.031)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		7.000.096.950	90.104.801.296
23	ve expenseso tiền gửi có kỳ hạn		(26.000.000.000)	(49.972.677.617)
24	Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn		30.000.000.000	10.800.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và lãi trái phiếu		9.756.102.919	6.240.753.932
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(54.018.535.515)	17.623.390.580
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả		-	(20.700.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(20.700.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(64.211.249.975)	81.801.235.190
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		100.225.634.171	18.424.398.981
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.030.168)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	36.013.354.028	100.225.634.171



Hoàng Lê Hương
Người lập



Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Đặng Thanh Hải
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long ("Công ty") Long (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán là PCT theo Quyết định số 412/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 22 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, mua bán sản phẩm gas (LPG/CNG/LNG) và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 140 (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 214).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Năm tài chính năm

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. *eltt*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, là hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	2 – 3 năm
Phương tiện vận tải	2 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

cat

cat

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan. Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh hàng hòa và dịch vụ vận tải.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	211.007.695	116.319.504
Tiền gửi ngân hàng	9.393.794.422	10.309.314.667
Các khoản tương đương tiền (*)	26.408.551.911	89.800.000.000
TỔNG CỘNG	36.013.354.028	100.225.634.171

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,3% tới 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	26.000.000.000	26.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Trái phiếu (*)	49.972.677.617	49.972.677.617	-	-
	<u>75.972.677.617</u>	<u>75.972.677.617</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>
Dài hạn				
- Trái phiếu (*)	-	-	49.972.677.617	49.972.677.617
TỔNG CỘNG	<u>75.972.677.617</u>	<u>75.972.677.617</u>	<u>79.972.677.617</u>	<u>79.972.677.617</u>

(*) Trái phiếu doanh nghiệp thể hiện khoản đầu tư 50 trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng được phát hành bởi Công ty Cổ phần SCI, có kỳ hạn là ba (3) năm, tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2015, với lãi suất hàng năm được hưởng khoảng 10%/năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng khoản đầu tư của Công ty Cổ phần SCI vào Công ty Cổ phần SCI E&C (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	18.644.334.495	21.775.273.543
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	3.621.148.541
- Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	2.888.851.655	1.084.639.103
- Công Ty TNHH Castrol BP Petco	2.588.732.300	1.683.997.400
- Các khách hàng khác	9.545.601.999	15.385.488.499
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	79.200.000	2.596.524.529
TỔNG CỘNG	<u>18.723.534.495</u>	<u>24.371.798.072</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.008.474.946)	(5.941.444.242)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>12.715.059.549</u>	<u>18.430.353.830</u>

Chi tiết tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.941.444.242	5.941.444.242
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	67.030.704	-
Số cuối năm	<u>6.008.474.946</u>	<u>5.941.444.242</u>
Trong đó:		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	3.621.148.541
Khác	2.387.326.405	2.320.295.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	13.438.394.541	13.573.402.352
Trong đó:		
<i>Công ty TNHH Thủy Sản HMP</i>	13.381.028.500	13.381.028.500
<i>Nhà cung cấp khác</i>	57.366.041	192.373.852
Trừ		
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(13.415.486.000)	(13.415.486.000)
Trong đó:		
<i>Công ty TNHH Thủy Sản HMP</i>	(13.381.028.500)	(13.381.028.500)
<i>Nhà cung cấp khác</i>	(34.457.500)	(34.457.500)
GIÁ TRỊ THUẦN	22.908.541	157.916.352

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	7.026.964.872	13.427.649.205
Ký cược, ký quỹ	1.663.515.915	5.339.802.000
Phải thu người lao động	1.227.021.720	2.201.595.709
Lãi từ tiền gửi ngân hàng, trái phiếu	439.354.136	1.316.133.040
Khác	3.697.073.101	4.570.118.456
Dài hạn	2.555.800.000	270.000.000
Ký cược, ký quỹ	2.555.800.000	270.000.000
TỔNG CỘNG	9.582.764.872	13.697.649.205
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(1.351.364.468)	(1.351.364.468)
GIÁ TRỊ THUẦN	8.231.400.404	12.346.284.737

Chi tiết tình hình giảm dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.351.364.468	1.368.692.415
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(17.327.947)
Số cuối năm	1.351.364.468	1.351.364.468

lvt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế GTGT	312.904.784	49.346.577.573	(49.453.190.027)	206.292.330
Thuế thu nhập cá nhân	182.456.036	645.143.559	(710.224.845)	117.374.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.598.402	494.118.244	(441.574.421)	164.142.225
Thuế khác	3.663.611	691.635.516	(695.299.127)	-
TỔNG CỘNG	<u>610.622.833</u>	<u>51.177.474.892</u>	<u>(51.300.288.421)</u>	<u>487.809.305</u>

lett

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	304.698.814	94.844.819.928	442.504.212	95.592.022.954
Mua trong năm	134.536.364	16.219.000.299	-	16.353.536.663
Đầu tư XDCB hoàn thành Thanh lý	(38.335.178)	58.558.850.721 (15.542.037.287)	- (78.028.650)	58.558.850.721 (15.658.401.115)
Số cuối năm	400.900.000	154.080.633.661	364.475.562	154.846.009.223
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	3.450.270.899	364.475.562	3.814.746.461
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	38.335.178	29.437.133.788	436.322.393	29.911.791.359
Khấu hao trong năm	129.795.960	13.608.248.730	6.181.819	13.744.226.509
Thanh lý	(38.335.178)	(10.404.246.262)	(78.028.650)	(10.520.610.090)
Số cuối năm	129.795.960	32.641.136.256	364.475.562	33.135.407.778
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	266.363.636	65.407.686.140	6.181.819	65.680.231.595
Số cuối năm	271.104.040	121.439.497.405	-	121.710.601.445

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.447.602.286 đồng và 0 đồng đang được giữ bởi Công ty TNHH MTV Cửu Nguyên ("Cửu Nguyên"), liên quan đến vụ tranh chấp giữa Công ty và Cửu Nguyên từ tháng 11 năm 2013. Ngày 26 tháng 02 năm 2014, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi ba chiếc xe này.

Ngày 26 tháng 5 năm 2015, theo bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST, Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình đã tuyên Cửu Nguyên phải trả cho Công ty ba xe taxi trên với biên kiểm soát số 56K-8922, 56K-8306, 56N-6297. Ngày 22 tháng 9 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu tiến hành phiên đối chất giải quyết vụ án kinh doanh thương mại trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư thể hiện tổng chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiểu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng.

Công ty vẫn chưa xác định chính thức giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư cao hơn so với giá trị ghi sổ còn lại của các tài sản này vào ngày kết thúc năm tài chính.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khác	4.170.603.328	5.078.317.034
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huy Hoàng Hà	876.691.520	766.130.700
- Công ty Cổ phần Vận tải Việt Sinh	500.679.999	116.226.715
- Khác	2.793.231.809	4.195.959.619
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	108.676.600	4.514.695.464
TỔNG CỘNG	<u>4.279.279.928</u>	<u>9.593.012.498</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	2.576.345.360	292.519.050
Ông Hoa Ta Lê Va	2.465.850.000	-
Khác	110.495.360	292.519.050
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 23)	-	1.035.540.000
TỔNG CỘNG	<u>2.576.345.360</u>	<u>1.328.059.050</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí điều hành xe	1.794.229.223	1.794.229.223
Chi phí thuê xe	60.753.727	4.617.202.833
Chi phí thực hiện Dịch vụ Kỹ thuật hàng hải	-	1.392.828.707
Khác	811.699.727	649.248.437
TỔNG CỘNG	<u>2.666.682.677</u>	<u>8.453.509.200</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ quỹ của lái xe và khách thuê xe	3.549.463.748	3.919.178.493
Kinh phí công đoàn	21.557.549	16.282.507
Tài sản thừa chờ xử lý	-	208.840.458
Khác	795.445.615	1.291.557.321
TỔNG CỘNG	<u>4.366.466.912</u>	<u>5.435.858.779</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	4.150.466.912	5.219.858.779
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	216.000.000	216.000.000

ctt

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	24.382.868.412	257.140.546.248
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.157.970.985	21.157.970.985
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.050.756.341)	(2.050.756.341)
Cổ tức công bố	-	-	-	(20.700.000.000)	(20.700.000.000)
Số cuối năm	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	22.790.083.056	255.547.760.892
Năm nay					
Số đầu năm	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	22.790.083.056	255.547.760.892
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.155.404.378	1.155.404.378
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.515.797.099)	(2.515.797.099)
Số cuối năm	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	21.429.690.335	254.187.368.171

Est

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Cổ phiếu thường	Giá trị	Cổ phiếu thường
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	5.203.772	52.037.720.000	5.203.772
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	48.680.000.000	4.868.000	27.950.000.000	2.795.000
Ông Đỗ Anh Việt	37.000.000.000	3.700.000	-	-
Khác	92.282.280.000	9.228.228	150.012.280.000	15.001.228
TỔNG CỘNG	230.000.000.000	23.000.000	230.000.000.000	23.000.000

16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và góp vốn đầy đủ	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

16.4 Cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	-	20.700.000.000

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu từ bán hàng hóa	293.808.821.857	752.591.730.762
Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải	86.074.774.476	167.385.950.474
Doanh thu từ hoạt động khác	3.463.903.351	9.698.046.610
TỔNG CỘNG	383.347.499.684	929.675.727.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư trái phiếu	5.347.292.237	198.330.713
Lãi tiền gửi	3.532.031.778	5.579.497.783
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	48.583.441	-
TỔNG CỘNG	8.927.907.456	5.777.828.496

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	293,621,817,667	749.509.390.470
Giá vốn hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải	80,954,563,203	151.295.713.383
Giá vốn hoạt động khác	4,207,123,210	9.030.182.253
TỔNG CỘNG	378,783,504,080	909.835.286.106

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	4.912.285.852	10.540.995.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.787.942.547	6.855.530.707
Chi phí khấu hao	247.546.399	105.168.687
Chi phí khác	435.875.900	1.409.819.025
TỔNG CỘNG	13.383.650.698	18.911.513.746

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.797.718.639	20.237.866.270
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.862.305.925	18.734.534.441
Khác	935.412.714	1.503.331.829
Chi phí khác	1.257.381.614	299.721.559
Bảo hiểm	857.702.067	-
Khác	399.679.547	299.721.559
GIÁ TRỊ THUẦN	1.540.337.025	19.938.144.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.201.015.187	98.455.646.089
Chi phí nhân viên	22.086.728.999	50.009.870.451
Chi phí khấu hao và hao mòn	13.792.161.244	18.787.719.353
Chi phí nguyên vật liệu	6.303.128.073	13.447.577.153
Chi phí khác	1.435.456.357	6.431.241.387
TỔNG CỘNG	<u>97.818.489.860</u>	<u>187.132.054.433</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	401.532.751	3.478.793.600
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	40.041.670	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	50.392.441	1.922.364.537
TỔNG CỘNG	<u>491.966.862</u>	<u>5.401.158.137</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>1.647.371.240</u>	<u>26.559.129.122</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	329.474.247	5.311.825.824
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	40.041.670	-
Chi phí không được trừ	122.450.945	89.332.313
Chi phí thuế TNDN	<u>491.966.862</u>	<u>5.401.158.137</u>

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận tính thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phân bổ	-	50.392.441	(50.392.441)	-
Chi phí phải trả	358.845.846	358.845.846	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(491.726.737)
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	-	-	(1.430.637.800)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	358.845.846	409.238.287		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(50.392.441)	(1.922.364.537)

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	1.444.636.364
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Bán LPG Sử dụng dịch vụ vận chuyển	50.040.039.987	-
			576.326.909	437.059.000
			272.411.666	1.449.532.500
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	289.911.503	4.855.734.500
		Phí khác	648.335.988	-
		Bán xe	-	66.919.925.000
		Mua xe	-	1.788.193.400
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	748.736.025
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Bên liên quan	Mua LPG	268.966.579.460	-
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	864.000.000	1.628.887.903
		Sử dụng dịch vụ	579.979.287	-
		Mua vật tư	130.089.435	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	79.200.000	79.200.000
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	1.588.809.750
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	680.314.779
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	248.200.000
TỔNG CỘNG			79.200.000	2.596.524.529
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Phải thu khác	-	831.243.854
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cổ đồng	Phải thu khác	-	13.000.000
TỔNG CỘNG			-	844.243.854
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	108.676.600	480.764.900
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	-	4.033.930.564
TỔNG CỘNG			108.676.600	4.514.695.464
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	1.035.540.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	Bên liên quan	Nhận đặt cọc	216.000.000	216.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>1.702.423.865</u>	<u>2.032.706.884</u>

(*) Trong đó, lương và thưởng của Giám đốc trong năm là 495.693.658 VND.

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
	đã được trình bày lại	
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,155,404,378	21.157.970.985
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>-</u>	<u>(2.515.797.099)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>1,155,404,378</u>	<u>18.642.173.886</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23,000,000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	811
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	50	811

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("NQĐHĐCĐ") năm 2017 ngày 18 tháng 5 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm gas (LPG/CNG/LNG); kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau.

				VND
	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Doanh thu	293.808.821.857	86.074.774.476	3.463.903.351	383.347.499.684
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	<i>293.808.821.857</i>	<i>86.074.774.476</i>	<i>3.463.903.351</i>	<i>383.347.499.684</i>
Kết quả				
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	<u>187.004.190</u>	<u>5.120.211.273</u>	<u>(743.219.859)</u>	<u>4.563.995.604</u>
<i>Chi phí không phân bổ</i>				2.916.624.364
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>				1.647.371.240
<i>Chi phí thuế TNDN</i>				<u>491.966.862</u>
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>				<u>1.155.404.378</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	199.081.692	140.095.199.747	220.044.263	140.514.325.702
<i>Tài sản không phân bổ</i>				<u>131.634.230.584</u>
				<u>272.148.556.286</u>
Tổng tài sản				
<i>Công nợ bộ phận</i>	27.829.889	10.188.231.319	-	10.216.061.208
<i>Công nợ không phân bổ</i>				<u>7.745.126.907</u>
Tổng công nợ				<u>17.961.188.115</u>

cat

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau. (tiếp theo)

	VND			
	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Doanh thu	752.591.730.762	167.180.750.474	9.903.246.610	929.675.727.846
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	<i>752.591.730.762</i>	<i>167.180.750.474</i>	<i>9.903.246.610</i>	<i>929.675.727.846</i>
Kết quả				
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	<u>3.082.340.292</u>	<u>15.885.037.091</u>	<u>873.064.357</u>	<u>19.840.441.740</u>
<i>Thu nhập không phân bổ</i>				6.718.687.381
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>				26.559.129.122
<i>Chi phí thuế TNDN</i>				<u>5.401.158.137</u>
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>				<u>21.157.970.985</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	389.480.245	95.206.478.270	1.329.517.234	96.925.475.749
<i>Tài sản không phân bổ</i>				<u>192.710.539.251</u>
Tổng tài sản				<u>289.636.015.000</u>
<i>Công nợ bộ phận</i>	86.935.668	17.231.293.439	-	17.318.229.107
<i>Công nợ không phân bổ</i>				<u>16.770.025.001</u>
Tổng công nợ				<u>34.088.254.108</u>

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên thuê

Công ty đang thuê văn phòng và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	11.079.921.017	24.963.672.262
Từ 1 đến 5 năm	<u>12.152.093.874</u>	<u>19.090.854.393</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.232.014.891</u>	<u>44.054.526.655</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.368.800.000	48.516.000.000
Từ 1 đến 5 năm	3.013.000.000	34.008.000.000
TỔNG CỘNG	7.381.800.000	82.524.000.000

VND

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Hoàng Lê Hương
Người lập



Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Đặng Thanh Hải
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018